

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /SKHCN-CĐS&BCVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

V/v đề nghị gửi thư báo giá dịch vụ CNTT

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh

Để có căn cứ lập dự toán giá hạn dịch vụ, phần mềm nhằm duy trì hoạt động liên tục, đảm bảo an toàn thông tin cho trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ Gia Lai đề nghị các đơn vị có khả năng cung cấp dịch vụ liên quan báo giá dịch vụ ở thời điểm hiện tại, cụ thể như sau:

1. Danh mục dịch vụ đề nghị báo giá theo Phụ lục đính kèm.

2. Báo giá phải thể hiện rõ ngày, tháng năm; người ký báo giá phải làm người đại diện theo pháp luật; giá báo đã bao gồm tất cả các loại thuế và chi phí liên quan.

3. Số lượng, hình thức báo giá:

- Số lượng báo giá: 01 bản gốc; Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt.

- Loại tiền sử dụng: Việt Nam đồng.

- Hình thức nhận báo giá: Có thể gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc địa chỉ thư điện tử, bao gồm các thông tin như sau:

- Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông - Sở Khoa học và Công nghệ Gia Lai.

- Địa chỉ: 38 Trường Chinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

- Người liên hệ: Ông Lê Mạnh Hoàng; số điện thoại: 094 9805709.

- Thư điện tử: hoanglm@skhcn.gialai.gov.vn.

4. Thời điểm nhận báo giá: Đến hết ngày 29/4/2026.

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các đơn vị quan tâm báo giá trang thiết bị làm việc theo đúng các thông tin trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- TT. CĐS (đăng tải trên website SKHCN);
- Văn phòng Sở (KHTC);
- Lưu: VT, P.CĐS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC DỊCH VỤ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

I. DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Thuê dịch vụ máy chủ đám mây	12	Tháng	Cấu hình chi tiết tại mục II

II. CHI TIẾT NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

Cấu hình dịch vụ cần đáp ứng các yêu cầu sau:

STT	Hạng mục	Số lượng	Configuration			Ghi chú
			vCPU	RAM (GB)	SSD (TB)	
	Dịch vụ máy chủ					
I	Máy chủ ảo					
1	Pool tài nguyên		338	480	30	
2	Số lượng máy ảo (VM)	33				Nền tảng khai thác VMware
II	Bản quyền cài đặt					
1	Ubuntu 24.04 LTS	33				Hệ điều hành OS
2	PostgreSQL 17	7				Hệ điều hành CSDL
3	Mongo 8	4				Hệ điều hành CSDL
4	Trellix Endpoint Security thời hạn 03 năm	4				License Antivirus
5	Firewall Fortinet, License thời hạn 03 năm	1				License Tường lửa ảo hóa
6	WAPPLES SA-50 thời hạn 05 năm	1				License Tường lửa CSDL ảo hóa
III	Cloud Backup					
1	Storage Backup (TB)	10				
2	Agent backup	10				
IV	Load Balancing					
1	Load Balancing	4				
V	Networking					
1	IP Public (gồm 300Mbps internet trong	4				

STT	Hạng mục	Số lượng	Configuration			Ghi chú
			vCPU	RAM (GB)	SSD (TB)	
	nước & 3Mbps Quốc tế - share traffic)					
2	Add-on internet trong nước (Mbps)	700				
VI	Bảo mật					
1	Tường lửa lớp ngoài	2	4	8	100	
2	Tường lửa bảo mật ứng dụng web	1	16	64	500	
4	Tường lửa lớp ứng dụng	2	4	10	100	HA internal

Ngoài ra đơn vị cung cấp dịch vụ phải đạt đầy đủ các yêu cầu về hạ tầng để triển khai các hệ thống phần mềm có mức độ An toàn thông tin (ANTT) cấp độ 3 được quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP.